

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Kiều Văn H; sinh năm: 1966

Địa chỉ: Khu phố 1 T, Thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hôn nhân: Anh Kiều Văn H và chị Nguyễn Thị H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (Nay là thị trấn K) vào ngày 08/7/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nay cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Do đó, nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu của anh H và chị H.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Kiều Lập Q, sinh ngày 20/11/2004 và Kiều Hùng V, sinh ngày 23/7/2009. Hiệu cháu Q đã thành niên, anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu V, hai bên thỏa thuận sẽ giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản chung: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh H và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh H tự nguyện chịu lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:  
- Về quan hệ hôn nhân: Anh Kiều Văn H và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.  
- Về con chung: Giao cháu Kiều Hùng V, sinh ngày 23/7/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí: Anh Kiều Văn H tự nguyện chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí DSST về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí DSST anh H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2021/0007837 ngày 24/10/2022, anh H đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

#### ***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND Thị trấn K;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Cúc**